

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 5 - 2023
V/v Ly hôn giữa chị T và anh V.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo.

Bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Huyền T – Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh N.

Nơi ĐKKHKT: Tổ A2, thị trấn L, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Dương Doãn V – Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ A2, thị trấn L, huyện Y, tỉnh N.

(Chị T xin vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bản tự khai bổ sung nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền T trình bày:

Chị kết hôn với anh Dương Doãn V năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là thị trấn L), huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh V có những lần đánh đập, xúc phạm danh dự của chị, không quan tâm đến việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Trước khi kết hôn lại năm 2018 anh chị đã từng có lần ly hôn tại Tòa án, nhưng lần kết hôn này anh V vẫn không có gì thay đổi, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn,

không thể sống được với nhau nữa. Hiện tại chị và anh V đang sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh V.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Dương Vũ Hải B, sinh ngày 08/01/2013, Dương Bảo Z, sinh ngày 06/10/2018 và Dương Tuệ L, sinh ngày 08/11/2020. Chị có nguyện vọng được nuôi cháu B và cháu L, để anh V nuôi cháu Z. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm viên chức trường học tại trường THCS thị trấn L với nghề nghiệp và mức lương ổn định, có nhiều thời gian chăm sóc con cái cùng với sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản làm việc với UBND thị trấn L, thể hiện nội dung:

Chị T, anh V là công dân sinh sống, làm việc trên địa bàn thị trấn L, có cùng HKTT tại Tổ A2, thị trấn L, huyện Y, tỉnh N. Chị T, anh V kết hôn với nhau năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Xá (nay là thị trấn L), huyện Y, tỉnh N. Thời gian trước đó, chị T, anh V đã từng ly hôn sau đó kết hôn lại vào năm 2018, sinh sống với nhau đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, hay xảy ra cãi vã to tiếng. Hiện tại, chị T và anh V đang sống ly thân nhau, chị T cùng con gái lớn bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở Tổ A, thị trấn L.

Về con chung: Chị T, anh V có 03 con chung là Dương Vũ Hải B, sinh ngày 08/01/2013, Dương Bảo Z, sinh ngày 06/10/2018 và Dương Tuệ L, sinh ngày 08/11/2020. Cháu B đang ở ổn định với mẹ, cháu Z, cháu L hiện đang ở với bố. Chị T hiện đang là viên chức ngành giáo dục công tác tại Trường THCS thị trấn L. Anh V hiện đang làm nghề làm mẫu xốp phục vụ sản xuất cho làng nghề đúc kim loại, thu nhập khoảng trên 10 triệu đồng/tháng.

Theo Công văn của Tòa án nhân dân huyện Y, địa phương đã viết giấy mời anh V lên làm việc nhưng đến giờ làm việc anh V không có mặt. Tòa án cùng địa phương trực tiếp xuống địa chỉ nhà của anh V để làm việc. Anh V có mặt ở nhà nhưng không hợp tác làm việc với Tòa án. Địa phương xác nhận anh V có khai miệng như sau: Về tình cảm, anh V không đồng ý ly hôn chị T, nếu chị T nhất quyết ly hôn thì anh để mặc cho chị T tự làm thủ tục ly hôn với Tòa án. Về con chung: Anh V đề nghị Tòa án giải quyết giữ nguyên như tình hình ổn định hiện tại là để cho anh nuôi 02 cháu nhỏ, để chị T nuôi cháu lớn, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V không trình bày gì về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung hay các vấn đề có liên quan khác.

Bị đơn anh Dương Doãn V đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh V và không tiến hành hòa giải được cho anh

chị. Chị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện không đúng các quyền của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Huyền T và anh Dương Doãn V; Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Dương Vũ Hải B, sinh ngày 08/01/2013, cháu Dương Tuệ L, sinh ngày 08/11/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Dương Bảo Z, sinh ngày 06/10/2018 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Doãn V có hộ khẩu thường trú tại thị trấn L, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị Huyền T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Y là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị Huyền T đề nghị xét xử vắng mặt; anh Dương Doãn V mặc dù đã được Toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Huyền T và anh Dương Doãn V kết hôn với nhau năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Xá (nay là thị trấn L), huyện Y, tỉnh N trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau

khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Trước khi kết hôn lại năm 2018, anh chị đã từng ly hôn tại Tòa án nhưng tại lần kết hôn này tình trạng mâu thuẫn của anh chị vẫn không thể cải thiện. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Anh V mặc dù biết được việc chị T xin ly hôn nhưng anh vẫn không đến Tòa án để giải quyết, điều này thể hiện anh V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị và anh V ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh V có 03 con chung là Dương Vũ Hải B, sinh ngày 08/01/2013, Dương Bảo Z, sinh ngày 06/10/2018 và Dương Tuệ L, sinh ngày 08/11/2020. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Băng và cháu Lâm, để anh V nuôi cháu Anh, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V mặc dù có nguyện vọng được nuôi cháu Anh, cháu Lâm, để chị T nuôi cháu Băng nhưng anh V không có thiện chí làm việc, không hợp tác với Tòa án để bày tỏ quan điểm đề nghị nuôi con chung theo đúng quy định của pháp luật. Cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu L còn nhỏ tuổi (chưa đủ 36 tháng tuổi) rất cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ, cháu Z hiện đang ở ổn định với anh V. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu B, cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Z cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị T, anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh V không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Huyền T và anh Dương Doãn V.

5. Về con chung: Giao con chung Dương Vũ Hải B, sinh ngày 08/01/2013, Dương Tuệ L, sinh ngày 08/11/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Dương Bảo Z, sinh ngày 06/10/2018 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Huyền T phải nộp 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003884 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị T, anh V được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND thị trấn L;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm